

Phương pháp nghiên cứu

Bài giảng 2

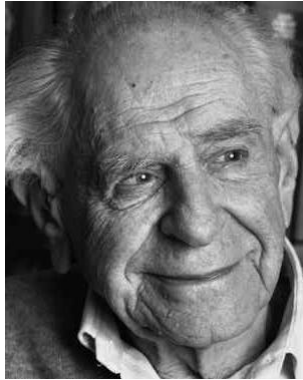
Kinh tế vĩ mô và kinh tế học phát triển



Phương pháp luận trong kinh tế học

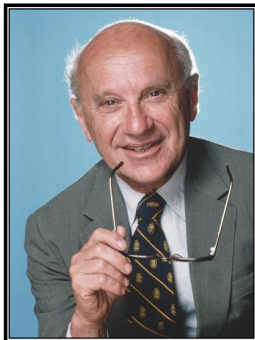
- Các nhà kinh tế chấp nhận những giả định về phương pháp luận từ ngành khoa học tự nhiên, nhưng thực tiễn xã hội là một *hệ thống mở*
 - Có nhiều biến số can thiệp
 - Không thể kiểm soát mọi yếu tố như trong phòng thí nghiệm
- Chủ nghĩa thực chứng: Kiểm định các lý thuyết phổ biến bằng dữ liệu
 - Lý thuyết phải nhất quán về mặt logic và cho thấy quan hệ nhân quả rõ ràng.
 - Kiểm định phải lặp lại được: nếu một nhà khoa học khác thực hiện kiểm định tương tự, thì họ phải có được kết quả tương tự.

Karl Popper



- Không gì có thể được chứng minh là *luôn luôn* đúng:
 - Chúng ta không bao giờ chắc chắn được rằng mô hình của mình là hoàn chỉnh hoặc đã thiết lập quan hệ nhân quả.
 - Chúng ta tiến bộ nhờ chứng minh vấn đề là sai bằng cách lặp lại các thử nghiệm và loại bỏ những vướng mắc không có tác dụng.
- *Nhưng trong ngành khoa học xã hội chúng ta có thể nào chứng minh các vấn đề là sai một lần và cho tất cả?*

Milton Friedman (1912-2006)



- “Phương pháp kinh tế học thực chứng”: phát biểu về phương pháp nghiên cứu có ảnh hưởng nhất trong kinh tế học
- Việc mô hình là “đúng” hay sai không quan trọng, miễn là mô hình cung cấp các dự đoán tốt.
- Có thực hay không không quan trọng, chỉ có dự đoán là quan trọng.
- Nhưng nếu các giả thuyết sai dẫn đến dự đoán đúng, thì đó là vô tình, chứ không phải là sự giải thích cho hiện tượng.

Chúng ta *ngiên cứu* kinh tế như thế nào?

- Chúng ta có những niềm tin nhất định (các giả định) mà không cần bằng chứng
 - Ví dụ, đường cầu dốc xuống hay lợi suất không đổi theo quy mô
 - Chúng ta có thể thay đổi các giả định nếu có đủ bằng chứng, nhưng chúng ta cũng khá ngần ngại trước những thay đổi như vậy.
- Từ những gì đã tin là đúng, chúng ta bắt đầu hoài nghi
 - Chúng ta quan sát thấy những hiện tượng trong thực tế không giống với kỳ vọng của mình (induction - quy nạp)
 - Chúng ta đặt ra những giải thích mới dựa trên những quan sát về các hiện tượng kinh tế đó (abduction – ngoại suy)

Sử dụng mô hình để nói về đời thực

- Chúng ta biết là các mô hình đều đã được giản lược hóa, và vì thế sẽ không hoàn chỉnh
- Chúng ta hiểu là các mối tương quan không phải là các mối quan hệ nhân quả.
- Tuy nhiên, chúng ta vẫn cố gắng tìm ra tính hệ thống trong số liệu mà mô hình của chúng ta có thể dự đoán.
- Sự tiến bộ của lý thuyết như những bằng chứng thực nghiệm giúp chúng ta hình thành những lời giải thích mới.
- Nhưng không giống như trong vật lý, chúng ta không bao giờ có thể tách riêng tất cả những yếu tố gây nhiễu, vì thế lý thuyết của chúng ta luôn luôn có nhiều hoài nghi.

Reinhardt: Tỷ lệ tiết kiệm thấp ở LA

- Lý thuyết kinh tế vĩ mô cho rằng lạm phát thấp, lãi suất thực dương và ổn định kinh tế vĩ mô sẽ dẫn đến sự gia tăng tiết kiệm tư nhân
 - Niềm tin lý thuyết này không nhất quán với bằng chứng: lạm phát giảm, lãi suất tăng nhưng tiết kiệm giảm.
 - Bà xây dựng một mô hình tìm ra những qui tắc mang tính thống kê để giải thích cho hiện tượng bất qui tắc này
- Kết quả cho thấy nhu cầu rà soát lý thuyết dựa trên những mô thức hệ thống mới trong dữ liệu
 - Qui nạp: Thực tiễn Mỹ Latin khác với lý thuyết và quan sát ở nơi khác (thu nhập cao hơn làm giảm tiết kiệm)
 - Ngoại suy: tỷ lệ tiết kiệm là thấp ở Mỹ Latin, do đó tồn tại những yếu tố khác (thất nghiệp)

Bảng 1: Tỷ lệ tiết kiệm quốc gia và tư nhân ở LAC và các nhóm nước khác

NNS	1976-81	1982-90	1991-94	1991-2000
LAC	12.21	8.19	8.88	8.88
OTHER	15.39	14.32	15.80	15.07
<i>LAC/OTHER</i>	<i>0.79</i>	<i>0.57</i>	<i>0.56</i>	<i>0.59</i>
GDS				
LAC	20.58	18.52	17.11	17.10
OTHER	21.56	22.39	23.97	24.81
<i>LAC/OTHER</i>	<i>0.95</i>	<i>0.83</i>	<i>0.71</i>	<i>0.69</i>
GPS				
LAC	17.29	15.88	14.18	
OTHER	17.86	17.55	19.37	
<i>LAC/OTHER</i>	<i>0.97</i>	<i>0.90</i>	<i>0.73</i>	

Source: Calculated from data in World Bank (1998; 2005).

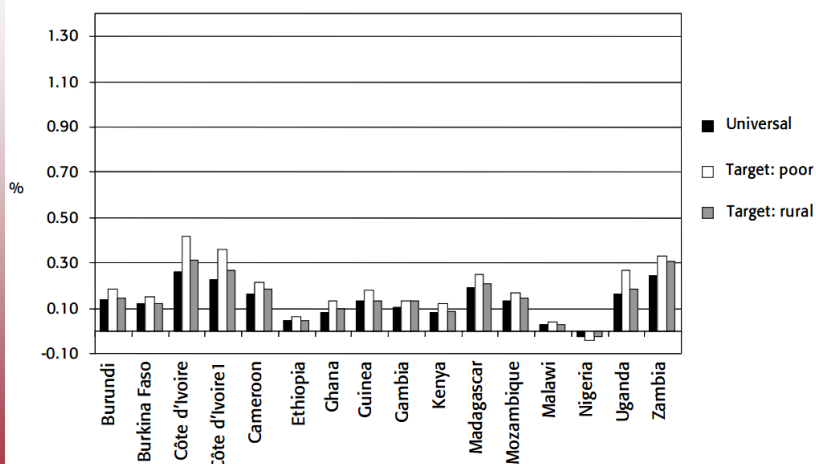
Bryceson, Bradbury và Bradbury (2008)

- Các nhà kinh tế tin rằng đường xá là tốt cho tăng trưởng và giảm nghèo. Niềm tin này có cơ sở hay không?
- Các tác giả đề xuất một phương pháp dựa vào thẩm định nông thôn nhanh và so sánh những địa điểm mới được tiếp cận và không tiếp cận được ở ba quốc gia (Việt Nam, Ethiopia và Zambia)
- Đường bộ cải thiện sự đi lại và khả năng tiếp cận (dịch vụ đến với làng) và do đó có thể làm tăng hoặc giảm số lần đi hoặc khoảng cách đi lại.
- Yếu tố quan trọng là tiếp cận được phương tiện giao thông cơ khí: xe máy, taxi, buýt; đi bộ là phương tiện đi lại chủ yếu ở nông thôn châu Phi.
- Dân làng giàu có hơn nhìn chung hưởng lợi nhiều hơn người nghèo.

Kakwani, Soares và Son (2006)

- Trợ cấp tiền mặt có điều kiện (CCT) đã được chứng minh làm tăng sĩ số đi học ở Mỹ Latin, liệu chính sách này có đúng ở châu Phi?
- Các tình huống được tạo ra để mô phỏng tác động chính sách của CCT ở 15 nước châu Phi
 - Sử dụng số liệu hộ gia đình để ước tính tác động ghi danh từ việc gia tăng thu nhập, giữ các yếu tố khác không đổi
 - Kết quả cho thấy khoản chuyển giao phải rất lớn mới có tác động đáng kể
 - Cảnh trọng với giả định rằng kết quả của Mỹ Latin có thể lặp lại ở châu Phi

**Hình 5: Tăng số đi học, tuổi 5-16
(ngân sách: 0.5% GDP)**



Những ví dụ này cho thấy gì?

- Bắt đầu bằng một câu hỏi nghiên cứu rõ ràng súc tích
 - Ví dụ, phát hiện thực nghiệm ngược với lý thuyết được chấp nhận (Reinhart)
 - Kiểm định một niềm tin phổ biến bằng một phương pháp mới (Bryceson, Bradbury và Bradbury)
 - Hình thành các tình huống để mô phỏng tác động chính sách (Kakwani, Soares và Son)
- Xác định và củng cố phương pháp luận
 - Một phương pháp được kiểm định chắc chắn và vững chắc
 - Sự sáng tạo phương pháp luận phù hợp với câu hỏi, địa điểm hoặc bộ dữ liệu cụ thể